

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

KẾT QUẢ THI VSTEP BẬC 3-5
Khóa thi ngày 21/03/2026

STT	SBD	L	R	W	S	TỔNG ĐIỂM	KẾT QUẢ
1	TA0001	5	6	3,5	4	4,5	Bậc 3
2	TA0002	5	5,5	2	3,5	4	Bậc 3
3	TA0003	5	4,5	5	3,5	4,5	Bậc 3
4	TA0005	4,5	6	4	4	4,5	Bậc 3
5	TA0006	4	6	3	5,5	4,5	Bậc 3
6	TA0007	8	6,5	7	5	6,5	Bậc 4
7	TA0008	2,5	4,5	2,5	3,5	3,5	Không Xét
8	TA0009	2,5	5	2,5	3,5	3,5	Không Xét
9	TA0010	4,5	5,5	3	5	4,5	Bậc 3
10	TA0011	3	3	2,5	3,5	3	Không Xét
11	TA0012	4,5	6,5	3,5	3,5	4,5	Bậc 3
12	TA0013	6	7,5	6,5	5	6,5	Bậc 4
13	TA0014	3,5	6,5	3,5	3	4	Bậc 3
14	TA0015	2,5	4	2,5	2,5	3	Không Xét
15	TA0016	4	5,5	2,5	2,5	3,5	Không Xét
16	TA0017	4	5,5	3,5	3,5	4	Bậc 3
17	TA0018	5,5	6,5	7	4	6	Bậc 4
18	TA0019	4,5	6	4,5	4	5	Bậc 3
19	TA0020	6	6,5	6	4,5	6	Bậc 4
20	TA0021	7	7,5	7	5,5	7	Bậc 4
21	TA0022	3	4,5	3	3,5	3,5	Không Xét
22	TA0023	4	6	6	5,5	5,5	Bậc 3
23	TA0024	7	7	7	5	6,5	Bậc 4
24	TA0025	3	5	6	4,5	4,5	Bậc 3
25	TA0026	4	5	3,5	4	4	Bậc 3
26	TA0027	4,5	6,5	2	4	4,5	Bậc 3
27	TA0028	3,5	5,5	3	2	3,5	Không Xét
28	TA0029	4,5	6,5	6	6	6	Bậc 4
29	TA0030	1,5	5,5	6,5	5	4,5	Bậc 3



Handwritten signature

STT	SBD	L	R	W	S	TỔNG ĐIỂM	KẾT QUẢ
30	TA0031	4,5	3	5,5	3,5	4	Bậc 3
31	TA0032	3	6	0	1	2,5	Không Xét
32	TA0033	5	5	4,5	5	5	Bậc 3
33	TA0034	4	5	2,5	4	4	Bậc 3
34	TA0035	5	8	7	5	6,5	Bậc 4
35	TA0036	3,5	4	2	2	3	Không Xét
36	TA0037	4	6	2	3,5	4	Bậc 3
37	TA0038	4	5	5,5	4,5	5	Bậc 3
38	TA0039	7	7,5	6,5	4	6,5	Bậc 4
39	TA0040	3,5	5,5	3,5	5	4,5	Bậc 3
40	TA0041	4	6	5	7	5,5	Bậc 3
41	TA0043	2	4,5	2	2,5	3	Không Xét
42	TA0044	3	3,5	2	1,5	2,5	Không Xét
43	TA0045	5	6	6,5	4	5,5	Bậc 3
44	TA0046	3,5	6	2,5	1,5	3,5	Không Xét
45	TA0047	4,5	5,5	4,5	3,5	4,5	Bậc 3
46	TA0048	4,5	4	1	3,5	3,5	Không Xét
47	TA0049	4	6	1,5	6	4,5	Bậc 3
48	TA0050	4	4,5	3	2	3,5	Không Xét
49	TA0051	5	5,5	6,5	5	5,5	Bậc 3
50	TA0052	3	6,5	7	4	5	Bậc 3
51	TA0053	5,5	7	5,5	4,5	5,5	Bậc 3
52	TA0054	6	7	8	5	6,5	Bậc 4
53	TA0055	3,5	4,5	2,5	2	3	Không Xét
54	TA0056	5,5	6	5	4	5	Bậc 3
55	TA0057	3,5	8	5,5	3,5	5	Bậc 3
56	TA0058	4	7,5	6	4,5	5,5	Bậc 3
57	TA0059	4	5,5	5,5	5,5	5	Bậc 3
58	TA0060	4,5	5,5	1,5	3	3,5	Không Xét
59	TA0061	5	6,5	5	5	5,5	Bậc 3
60	TA0062	5,5	7,5	5,5	5	6	Bậc 4

HỌC
RUNG
TÌNH NGƯỜI
TÌNH BẠN
TÌNH NGƯỜI
TÌNH BẠN

Phu

STT	SBD	L	R	W	S	TỔNG ĐIỂM	KẾT QUẢ
61	TA0063	4	7	5	6,5	5,5	Bậc 3
62	TA0064	4,5	5,5	4	3,5	4,5	Bậc 3
63	TA0065	5	6,5	7,5	4,5	6	Bậc 4
64	TA0066	3,5	4,5	3,5	3,5	4	Bậc 3
65	TA0067	5	5	5,5	4	5	Bậc 3
66	TA0068	3	3,5	6	5,5	4,5	Bậc 3
67	TA0069	4,5	5	5,5	4	5	Bậc 3
68	TA0070	10	9,5	6	6	8	Bậc 4
69	TA0071	4,5	5,5	5	6	5,5	Bậc 3
70	TA0072	4	6,5	6	3,5	5	Bậc 3
71	TA0073	5	7	7,5	5,5	6,5	Bậc 4
72	TA0074	8,5	8,5	7	4	7	Bậc 4
73	TA0075	4	4	3	4	4	Bậc 3
74	TA0076	4,5	6	5,5	3,5	5	Bậc 3
75	TA0077	3	4,5	1,5	3,5	3	Không Xét
76	TA0078	3,5	4	1	2	2,5	Không Xét
77	TA0079	4	2	3	4,5	3,5	Không Xét
78	TA0080	3,5	5	5	4	4,5	Bậc 3
79	TA0081	3	5,5	2	2	3	Không Xét
80	TA0082	2,5	6,5	4,5	4	4,5	Bậc 3
81	TA0083	5,5	6	4	3,5	5	Bậc 3
82	TA0084	3,5	7	5	4	5	Bậc 3
83	TA0085	4	7	6	5,5	5,5	Bậc 3
84	TA0086	4	7	3,5	4	4,5	Bậc 3
85	TA0087	4,5	5	4	4	4,5	Bậc 3
86	TA0088	5,5	7,5	6,5	3,5	6	Bậc 4
87	TA0089	5,5	6,5	6,5	5	6	Bậc 4
88	TA0090	3,5	6	6	4,5	5	Bậc 3
89	TA0091	4	6,5	5	4	5	Bậc 3
90	TA0092	5	6,5	6	3,5	5,5	Bậc 3
91	TA0093	3	5,5	4,5	3,5	4	Bậc 3

TA
M
I HỌC
HỌC
ÊN

Chữ

STT	SBD	L	R	W	S	TỔNG ĐIỂM	KẾT QUẢ
92	TA0094	5	7	6	4,5	5,5	Bậc 3
93	TA0095	5	6,5	7	5	6	Bậc 4
94	TA0096	3,5	7	5,5	4	5	Bậc 3
95	TA0097	6,5	7	6,5	4,5	6	Bậc 4
96	TA0098	6	6	6	4	5,5	Bậc 3
97	TA0099	3	6	5	2	4	Bậc 3
98	TA0100	9	9,5	8	4	7,5	Bậc 4
99	TA0101	7	7	6,5	7	7	Bậc 4
100	TA0102	5,5	6	5	3,5	5	Bậc 3
101	TA0104	4,5	6	4,5	5,5	5	Bậc 3
102	TA0105	3	3,5	3,5	3,5	3,5	Không Xét
103	TA0106	3,5	4,5	5	3,5	4	Bậc 3
104	TA0107	3,5	4,5	3,5	4	4	Bậc 3
105	TA0004	0	0	0	0	0	Vắng
106	TA0042	0	0	0	0	0	Vắng
107	TA0103	0	0	0	0	0	Vắng

Tổng số thí sinh đăng ký dự thi: 107

Tổng số thí sinh dự thi: 104

Số thí sinh vắng: 3

Số thí sinh đạt bậc 3: 62

Số thí sinh đạt bậc 4: 21

Số thí sinh đạt bậc 5: 0

Số thí sinh không xét: 21

Số thí sinh đình chỉ: 0

Số thí sinh bỏ thi: 0

Tỉ lệ thí sinh đạt: 80%

Thang điểm theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam được tính như sau:

Điểm từ 0 - 3.5: không xét bậc trình độ và không được cấp chứng chỉ

Điểm từ 4.0 - 5.5: Đạt bậc 3

Điểm từ 6.0 - 8.0: Đạt bậc 4

Điểm từ 8.5 - 10: Đạt bậc 5

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TS. Hồ Thị Phương